

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /DIC Corp –CBTT

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 09 năm 2014

"V/v: Các nội dung điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2013 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước".

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG (DIC CORP)

Mã chứng khoán : DIG (HoSE).

Trụ sở : 265 Lê Hồng Phong, P8, Tp.Vũng Tàu, tỉnh BR – Vũng Tàu.

Điện thoại : 0643.859248 Fax: 064.3560712.

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ngày 23/9/2014, DIC Corp nhận được văn bản số 185/KTNN-TH ngày 21/08/2014 của Kiểm toán Nhà nước (sau đây gọi tắt là KTNN) v/v gửi báo cáo kiểm toán năm 2013 của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng năm. DIC Corp xin công bố các nội dung điều chỉnh liên quan đến báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất năm 2013 theo kiến nghị của KTNN như sau:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

a. Bảng cân đối kế toán (BCĐKT): Sau kiểm toán, tổng tài sản và nguồn vốn trên BCĐKT Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2013 không thay đổi. Tuy nhiên KTNN kiến nghị điều chỉnh một số chỉ tiêu nguồn vốn như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
- Người mua trả tiền trước	313	154,916,664,593	152,053,986,702	-2,862,677,891
- Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	87,523,501,751	102,236,370,378	14,712,868,627
- Chi phí phải trả	316	29,335,187,483	29,387,005,664	51,818,181
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	348,962,792,126	337,120,146,695	-11,842,645,431
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	150,603,905,893	150,544,542,407	-59,363,486

Nguyên nhân chênh lệch:

- Người mua trả tiền trước giảm 2,862,677,891 đồng do xác định thuế TNDN tạm nộp 1% đối với khoản tiền thu theo tiến độ hợp đồng tác với nhà đầu tư cấp 2 tại dự án Nam Vĩnh Yên.

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 14,712,868,627 đồng chủ yếu do:

▪ Tăng thuế GTGT phải nộp do KTNN kiến nghị xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đối với khoản tiền thu theo tiến độ từ nhà đầu tư cấp 2 - dự án Nam Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.



BỘ XÂY DỰNG

Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHÍ SẮC TƯƠNG LAI

265 Lê Hồng Phong, P. 8, Tp. Vũng Tàu. Tel: 064 3 859 248 Fax: 064 3 560 712 Web: www.dic.vn

- Tăng thuế TNDN phải nộp do KTNN xác định thuế TNDN tạm nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền của hợp đồng hợp tác với nhà đầu tư cấp 2 - dự án Nam Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
- Nộp NSNN tiền đền bù đất công thổ một số dự án.
 - Các khoản phải trả, phải nộp khác giảm 11,842,645,431 đồng chủ yếu do xác định thuế GTGT, thuế TNDN tạm nộp theo giải trình trên.
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 59,363,486 đồng do xác định lại kết quả hoạt động SXKD qua kiểm toán.

b. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán giảm **59,363,486 đồng** do các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán 51,818,181 đồng là khoản chi phí thuê quản lý chợ tạm Chí Linh Quý IV/2013 đơn vị đã ghi nhận doanh thu cho thuê mặt bằng chợ Chí Linh quý IV nhưng chưa ghi nhận chi phí trên.
- Tăng thu nhập chịu thuế TNDN 81,999,399 đồng đối với phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.
- Thuế TNDN phải nộp tăng thêm 7,545,305 đồng do xác định lại kết quả hoạt động SXKD năm 2013.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Bảng cân đối kế toán: Sau kiểm toán, tổng tài sản và nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2013 tăng 2,242,959,853 đồng. Chi tiết chi tiêu và nguyên nhân điều chỉnh theo phụ lục số 01 đính kèm.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Sau kiểm toán, lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm 907,749,855 đồng. Chi tiết chi tiêu và nguyên nhân điều chỉnh theo phụ lục số 01 đính kèm.

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN: Chi tiết nội dung và nguyên nhân theo phụ lục số 03 đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *Ng*

Nơi nhận:

- Như trên; *Ng*
- Tổng Giám đốc (b/c);
- BBT web www.dic.vn;
- Lưu VP, TCKT. *Ng*



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Chiến Tuấn



BỘ XÂY DỰNG

Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHỞI SẮC TƯƠNG LAI

265 Lê Hồng Phong, P. 8, Tp. Vũng Tàu. Tel: 064 3 859 248 Fax: 064 3 560 712 Web: www.dic.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chủ yếu
A	B	1	2	3=2-1	
TÀI SẢN					
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3,137,088,558,292	3,139,079,385,806	1,990,827,514	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	39,734,558,234	39,730,719,634	-3,838,600	
1. Tiền	111	39,734,558,234	39,730,719,634	-3,838,600	Giảm tiền gửi tại C.ty con do hạch toán thiếu khoản phí chuyển tiền phát sinh
2. Các khoản tương đương tiền	112				
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120				
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1,089,421,565,129	1,091,480,716,618	2,059,151,489	
1. Phải thu khách hàng	131	902,391,243,247	904,429,394,736	2,038,151,489	Tăng phải thu khách hàng tại Công ty con
2. Trả trước cho người bán	132	60,181,873,968	60,181,873,968		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	131,506,035,174	131,506,035,174		
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-4,657,587,260	-4,636,587,260	21,000,000	Giảm trích lập dự phòng nợ phải thu tại Công ty con
IV. Hàng tồn kho	140	1,972,121,627,644	1,970,921,875,645	-1,199,751,999	
1. Hàng tồn kho	141	1,972,121,627,644	1,970,921,875,645	-1,199,751,999	Điều chỉnh giá trị hàng tồn kho tại C.ty con theo số kiểm kê thực tế
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149				
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	35,810,807,285	36,946,073,909	1,135,266,624	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6,126,949,039	6,238,929,840	111,980,801	Phân bổ lại khoản chi phí sửa chữa nhỏ tại C.ty con
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		4,019,189,865	4,019,189,865		
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	25,664,668,381	26,687,954,204	1,023,285,823	Xử lý hàng tồn kho thiếu so với kết quả kiểm kê tại C.ty con
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1,494,976,531,738	1,495,228,664,077	252,132,339	
I. Tài sản cố định	220	300,704,997,459	301,750,525,488	1,045,528,029	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	195,775,253,015	212,137,971,081	16,362,718,066	
- Nguyên giá	222	346,995,392,595	363,345,685,034	16,350,292,439	Tăng nguyên giá TSCĐ đối với công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tại C.ty con
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-151,220,139,580	-151,207,713,953	12,425,627	Điều chỉnh giảm trích khấu hao một số tài sản của C.ty con không đủ điều kiện là TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	217,764,131	217,764,131		
- Nguyên giá	225	287,612,999	287,612,999		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-69,848,868	-69,848,868		



Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chủ yếu
A	B	1	2	3=2-1	
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11,395,773,115	11,395,773,115		
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	334,803,561,149	334,803,561,149		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,373,689,904,046	2,372,405,511,566	-1,284,392,480	
I. Vốn chủ sở hữu	410	2,373,689,904,046	2,372,405,511,566	-1,284,392,480	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1,429,955,870,000	1,429,955,870,000		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	744,048,581,707	743,875,581,707	-173,000,000	Điều chỉnh khoản chi phí phát hành cổ phiếu tại Công ty con
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	77,046,740,024	77,046,740,024		
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	75,995,687,280	75,995,687,280		
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	46,643,025,035	45,531,632,555	-1,111,392,480	Điều chỉnh giảm LNST chưa phân phối tại Công ty mẹ: 59,363,486 đồng; các C.ty con: 1,052,028,993 đồng
II. Nguồn kinh phí	430				
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	45,224,055,360	45,427,697,985	203,642,625	Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số tại C.ty con theo kết quả kiểm toán
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510	4,632,065,090,030	4,634,308,049,883	2,242,959,853	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chủ yếu
A	B	1	2	3=2-1	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1,032,481,530,643	1,034,407,623,816	1,926,093,173	Tăng doanh thu hàng gửi bán đã tiêu thụ tại C.ty con
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	279,457,782,577	279,457,782,577	0	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	753,023,748,066	754,949,841,239	1,926,093,173	Tăng giá vốn tại C.ty con do hạch toán giá vốn tương ứng khoản doanh thu điều chỉnh tại mục 1; xác định lại CP khấu hao đối với TSCD hạch toán điều chỉnh
4. Giá vốn hàng bán	11	590,291,834,951	593,470,727,044	3,178,892,093	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	162,731,913,115	161,479,114,195	-1,252,798,920	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19,554,354,684	19,554,354,684	0	
7. Chi phí tài chính	22	42,107,955,083	42,107,955,083	0	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	39,280,501,562	39,280,501,562	0	
8. Chi phí bán hàng	24	72,029,565,075	72,274,215,063	244,649,988	Tăng do phân bổ lại các khoản CP trả trước, CCDC, sửa chữa nhỏ tại C.ty con
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	67,007,525,231	67,160,942,483	153,417,252	Điều chỉnh tăng chi phí tại C.ty con
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1,141,222,410	-509,643,750	-1,650,866,160	
11. Thu nhập khác	31	50,866,377,903	53,109,688,633	2,243,310,730	Điều chỉnh tăng TN khác tại Cty con
12. Chi phí khác	32	12,413,178,685	13,916,909,450	1,503,730,765	Điều chỉnh tăng CP khác tại Cty con
13. Lợi nhuận khác	40	38,453,199,218	39,192,779,183	739,579,965	
14. Phần lãi(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50	16,815,483,051	16,815,483,051	0	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	56,409,904,680	55,498,618,485	-911,286,195	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	17,966,381,163	17,962,844,823	-3,536,340	Do kết quả kiểm toán thay đổi
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	-3,635,546,691	-3,635,546,691	0	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	42,079,070,208	41,171,320,353	-907,749,855	Do kết quả kiểm toán thay đổi
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71	-12,365,358,302	-12,161,715,677	203,642,625	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72	54,444,428,509	53,333,036,030	-1,111,392,479	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	381	374	-7	

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN ĐẾN 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	95,245,983,021	108,498,148,050	13,252,165,029
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,192,864,354	9,799,925,793	8,607,061,439
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu			
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	17,475,484	17,475,484	
4. Thuế xuất, nhập khẩu			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	88,979,729,140	92,487,241,091	3,507,511,951
6. Thuế thu nhập cá nhân	195,481,615	195,481,615	
7. Thuế tài nguyên	2,308,506,984	3,205,497,193	896,990,209
8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	359,608,090	600,209,520	240,601,430
9. Tiền sử dụng đất			
10. Các loại phí, lệ phí và thuế khác	2,192,317,354	2,192,317,354	
II. Các khoản phải thu khác		76,812,572,008	76,812,572,008
TỔNG CỘNG (I + II)	95,245,983,021	185,310,720,058	90,064,737,037

1. Thuế giá trị gia tăng (GTGT) phải nộp tăng:	8,607,061,439
- Điều chỉnh tăng tại Công ty mẹ do KTNN kiến nghị xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đối với khoản tiền thu từ nhà đầu tư cấp 2 - dự án Nam Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	8,400,086,067
- Điều chỉnh tăng thuế GTGT tại C.ty con, chủ yếu do xuất hóa đơn đối với hàng gửi bán đã tiêu thụ	206,975,372
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng	3,507,511,951
- Điều chỉnh tăng tại Công ty mẹ do xác định thuế TNDN tạm nộp đối với khoản tiền thu theo tiến độ thu tiền của hợp đồng hợp tác với nhà đầu tư cấp 2 - dự án Nam Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	3,511,048,291
- Tăng do xác định lại KQKD năm 2013 của Cty mẹ	7,545,305
- Giảm thuế TNDN phải nộp tại C.ty con do xác định lại kết quả kinh doanh	-11,081,645
3. Thuế tài nguyên phải nộp tăng tại C.ty con	896,990,209
4. Tiền thuê đất phải nộp tăng tại C.ty con	240,601,430
5. Các khoản phải nộp khác tại Công ty mẹ (chủ yếu là khoản cổ tức được chia bằng tiền mặt cho phần vốn NN; tiền đền bù đất công thổ dự án Chí Linh...)	76,812,572,008

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
KINH TÁO